TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ T
TỈNH N
Bản án số: 01/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 23/01/2018
"V/v kiện xin ly hôn"

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ THÁI HOÀ
Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ toạ phiên toà: Bà Phùng Thị Hương Giang
Các hội thẩm nhân dân:
1. Ông: Đinh Minh Tú
2. Ông: Ngô Sỹ Lượng

Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hằng - Cán bộ Toà án nhân dân Thị xã T, Tỉnh N.

Đại *diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã T, tỉnh N tham gia phiên t*oà: Bà Đặng Thị Kim Thoa - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2018, tại Phòng xử án Toà án nhân dân Thị xã T. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 122/2017/TLST - HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2017, về kiện xin ly hôn".

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2017/QĐXX-ST ngày 12 tháng 12 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2017/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2017giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị P, Sinh năm 1963 (Có mặt)
Trú tại: Xóm Đ, xã Đ, thị xã T, tỉnh N

Bị đơn: Ông Trương Đình T, Sinh năm 1964 (Vắng mặt không có lý do)
Trú tại: Xóm T, xã N, thị xã T, tỉnh N.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn ngày 09/10/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà hôm nay, nguyên đơn bà Lê Thị P trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà P và ông T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 23/11/1993 tại UBND xã Đ, huyện N (nay là Thị xã T) tỉnh N. Sau thời gian kết hôn bà và ông T chung sống hạnh phúc và có một con chung. Đến năm 2007 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông T hay đi chơi bời và thường xuyên uống rượu về chửi bới, phá phách đồ đạc sinh hoạt gia đình và xúc phạm đến bà P. Bà đã tìm nhiều biện pháp để khắc phục tình cảm

vợ chồng cũng như khuyên bảo ông T nhưng ông T vẫn không thay đổi được. Hiện tại bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, hơn nữa bà và ông T đã sống ly thân từ tháng 10 năm 2016 cho đến nay, nên bà đề nghị tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T.

Về con cái: Bà và ông T có 01 con chung là Trương Lê H, sinh ngày 19/8/1994 và có 02 con riêng của ông T là Trương Anh T, sinh năm 1987 và Trương Lâm T, sinh năm 1992. Hiện nay tất cả con chung và con riêng của bà P và ông T đều đã trưởng thành, tạo lập cuộc sống riêng nên bà P không yêu cầu giải quyết việc nuôi con.

Về tài sản: Bà P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành triệu tập và tống đạt hợp lệ ông T đến Tòa án nhiều lần để làm việc, thông báo kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành hòa giải nhưng ông T không chấp hành và thực hiện các quyền, nghĩa vụ của mình, đồng thời tại các phiên tòa lần thứ nhất, lần thứ hai bị đơn ông Trương Đình T vẫn vắng mặt không có lý do.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân thị xã T phát biểu quan điểm về tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm trước khi nghị án thấy rằng Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng. Việc thụ lý vụ án đúng thẩm quyền. Những người tham gia tố tụng gồm nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn ông Trường Đình T từ khi thụ lý vụ án cho đến lần xét xử lần thứ hai đều vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập và tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Căn cứ vào các Điều 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

Quan điểm về giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng điều 28; điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 điều 51 các điều 56 Luật hôn nhân và gia đình:

- Về quan hệ hôn nhân: Do tình trạng hôn nhân giữa bà Lê Thị P và ông Trương Đình T đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của bà Lê Thị P. Xử cho bà Lê Thị P được ly hôn với ông Trương Đình T.

- Về con cái: Do con chung của bà P và ông T cùng các con riêng của ông T đều đã trưởng thành, do đó đề nghị hội đồng không xem xét.

- Về tài sản chung: Bà P không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên đề nghị Hội đồng không xem xét.

- Về án phí ly hôn sơ thẩm: Buộc bà P phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong Hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả hỏi, tranh luận tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn ông Trương Đình T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ vào các Điều 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào nội dung đơn xin ly hôn cũng như các tài liệu, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm naycủa bà Lê Thị P thấy rằng: Quan hệ hôn nhân giữa bà Lê Thị P và ông Trương Đình T là hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, hợp pháp, được pháp luật công nhận. Sau thời gian kết hôn bà P và ông T chung sống hạnh phúc được một thời gian. Đến năm 2007 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông T hay đi chơi bời và thường xuyên uống rượi về chửi bới, phá phách đồ đạc sinh hoạt gia đình và xúc phạm đến bà P. Bà đã tìm nhiều biện pháp để khắc phục tình cảm vợ chồng cũng như khuyên bảo ông T nhưng ông T vẫn không thay đổi được. Hiện tại bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, hơn nữa bà và ông T đã sống ly thân từ tháng 10 năm 2016 cho đến nay, nên bà đề nghị tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T.

Tòa án đã tiến hành thụ lý vụ án và giải quyết theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án mặc dù ông T đã được Tòa án triệu tập, tống đạt hợp lệ nhiều lần đến Tòa để làm việc, thông báo kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành hòa giải nhưng ông T không chấp hành và thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình. Đồng thời tại phiên tòa lần thứ nhất và lần thứ hai ông T đều vắng mặt không có lý do. Xét thấy yêu cầu xin ly hôn của bà P là có căn cứ vì ông T đã vi phạm đến quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, cụ thể ông T không còn tôn trọng quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ, chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình cùng với bà P mà ngược lại thường xuyên rượi chè và xúc phạm đến bà P điều này được khối xóm nơi bà P và ông T sinh sống xác nhận. Hơn nữa bà P và ông T đã có thời gian dài sống ly thân. Nay bà P không còn tình cảm với ông T, cuộc sống vợ chồng không còn ai quan tâm đến ai. Vì vậy, chứng tỏ mâu thuẫn giữa bà P và ông T đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được do đó cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà P, cho bà P được ly hôn với ông T là hoàn toàn phù hợp với nguyện vọng của bà P và phù hợp với điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con cái: Do con chung của bà P và ông T cùng các con riêng của ông T đều đã trưởng thành, tạo lập cuộc sống riêng, nên bà P không yêu cầu giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản: Bà P không yêu cầu tòa án giải quyết, do đó hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Buộc bà P phải chịu án phí LHST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng điều 28; điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 điều 51 các điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của Bà Lê Thị P;

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Lê Thị P được ly hôn với ông Trương Đình T.

2. Việc nuôi con: Bà P không yêu cầu Tòa án giải quyết do các con chung và riêng đều đã trưởng thành.

2. Về tài sản: Bà Lê Thị P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Án phí: Áp dung điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc lê Thị P phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0006307 ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Cơ quan thi hành án dân sự thị xã T, tỉnh N.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án nguyên đơn bà P có quyền kháng cáo lên tòa án nhân dân tỉnh N. Bị đơn ông T vắng mặt được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh N trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phùng Thị Hương Giang

Nơi nhận:
- *VKSND thị xã T;*
- *TAND tỉnh N;*
- *Chi cục THADS;*
- *UBND xã Đ, N*

để ghi vào sổ hộ tịch
- *Các đương sự*
- *Lưu HSVA*